

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 501.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn - Sơn Đông
Ngày lấy mẫu : 01/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 01/04/2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BẾN TRE**
ĐẾN Số: 325
Ngày: 20/4/19
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	02/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	01/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017 (b)	0,40 NTU	≤ 2 NTU	01/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,49	6,5 – 8,5	01/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	90,00 mg/l	≤ 300 mg/l	02/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	28,00 mg/l	≤ 250 mg/l	02/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,03mg/l	≤ 0,3 mg/l	02/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	2,29 mg/l	≤ 50 mg/l	02/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0.01 mg/l)	≤ 3 mg/l	02/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	17,34 mg/l	≤ 250 mg/l	02/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,09 mg/l	≤ 2 mg/l	01/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,08 mg/l	0,3 mg/l	02/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,5 mg/l	0,3-0,5mg/l	01/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 16 tháng 04 năm 2019



CN. Phan Chập Hủy

KIỂM ĐỊNH ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 502.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre ;
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Thủy - KP Bình Khởi - Đồng Văn Cống
Ngày lấy mẫu : 01/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 01/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	2,67 TCU	15 TCU	02/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	01/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017 (b)	1,10 NTU	≤ 2 NTU	01/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,72	6,5 – 8,5	01/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	90,00 mg/l	≤ 300 mg/l	02/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	28,50 mg/l	≤ 250 mg/l	02/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,22 mg/l	≤ 0,3 mg/l	02/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,77 mg/l	≤ 50 mg/l	02/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0.01 mg/l)	≤ 3 mg/l	02/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	20,27 mg/l	≤ 250 mg/l	02/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,41 mg/l	≤ 2 mg/l	01/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,06 mg/l	0,3 mg/l	02/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,3 mg/l	0,3-0,5mg/l	01/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 16 tháng 04 năm 2019

CN. Phan Chập Lưu

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
TỈNH BẾN TRE
Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 503.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : 80C - Ấp Bình Thành - Bình Phú
Ngày lấy mẫu : 01/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 01/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	2,67 TCU	15 TCU	02/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	01/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017 (b)	1,20 NTU	≤ 2 NTU	01/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,75	6,5 – 8,5	01/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	90,00 mg/l	≤ 300 mg/l	02/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	28,00 mg/l	≤ 250 mg/l	02/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,19 mg/l	≤ 0,3 mg/l	02/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	0,35 mg/l	≤ 50 mg/l	02/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0.01 mg/l)	≤ 3 mg/l	02/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	19,26 mg/l	≤ 250 mg/l	02/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,41 mg/l	≤ 2 mg/l	01/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,11 mg/l	0,3 mg/l	02/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,3 mg/l	0,3-0,5mg/l	01/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

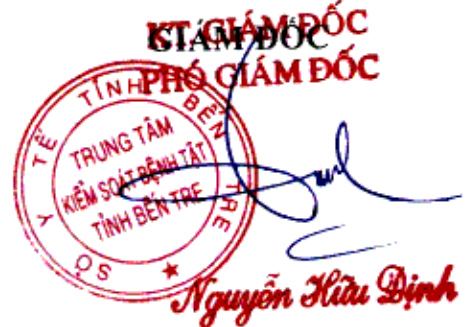
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 16 tháng 04 năm 2019



CN. Phạm Chiếu Hưng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 504.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Rửa xe Duy - Nguyễn Văn Tư, Phường 5
Ngày lấy mẫu : 01/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 01/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	02/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	01/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017 (b)	0,92 NTU	≤ 2 NTU	01/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,56	6,5 – 8,5	01/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	90,00 mg/l	≤ 300 mg/l	02/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	28,00 mg/l	≤ 250 mg/l	02/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,16 mg/l	≤ 0,3 mg/l	02/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,35 mg/l	≤ 50 mg/l	02/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0.01 mg/l)	≤ 3 mg/l	02/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	19,77 mg/l	≤ 250 mg/l	02/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,09 mg/l	≤ 2 mg/l	01/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,09 mg/l	0,3 mg/l	02/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,3 mg/l	0,3-0,5mg/l	01/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 16 tháng 04 năm 2019



CN. Phan Chập Lưu

GIÁM ĐỐC
KI. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 505.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Trạm tăng áp
Ngày lấy mẫu : 01/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 01/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 1996 (b)	KPH	15 TCU	02/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	01/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017 (b)	0,43 NTU	≤ 2 NTU	01/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,57	6,5 – 8,5	01/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	90,00 mg/l	≤ 300 mg/l	02/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl-B 2017 (a)	26,50 mg/l	≤ 250 mg/l	02/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	KPH MLOD=0,03mg/l	≤ 0,3 mg/l	02/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,51 mg/l	≤ 50 mg/l	02/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01 mg/l)	≤ 3 mg/l	02/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	20,58 mg/l	≤ 250 mg/l	02/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,09 mg/l	≤ 2 mg/l	01/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,10 mg/l	0,3 mg/l	02/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	Số màu tại hiện trường (2)	0,5 mg/l	0,3-0,5mg/l	01/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Võ Thị Cẩm

Bến Tre, ngày 16 tháng 04 năm 2019



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Oanh

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 506.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Thùy Vân - QL60 - Ấp Chợ Xếp - Mỏ Cày Bắc
Ngày lấy mẫu : 01/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 01/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	02/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	01/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017 (b)	0,82 NTU	≤ 2 NTU	01/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,65	6,5 – 8,5	01/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	90,00 mg/l	≤ 300 mg/l	02/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl-B 2017 (a)	28,00 mg/l	≤ 250 mg/l	02/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,10 mg/l	≤ 0,3 mg/l	02/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	2,23 mg/l	≤ 50 mg/l	02/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	< 0,03 mg/l (MLOD=0,01 mg/l)	≤ 3 mg/l	02/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	20,07 mg/l	≤ 250 mg/l	02/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,41 mg/l	≤ 2 mg/l	01/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,06 mg/l	0,3 mg/l	02/04/2019

Mã số mẫu: 0506.19

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 16 tháng 04 năm 2019



Võ Thị Giem



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Danh

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 507.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Nhíp ảnh Nguyễn Hồng - Định Thủy - Mỏ Cày Nam
Ngày lấy mẫu : 01/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 01/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	01/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	02/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	01/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017 (b)	0,55 NTU	≤ 2 NTU	01/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,64	6,5 – 8,5	01/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	90,00 mg/l	≤ 300 mg/l	02/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl-B 2017 (a)	28,00 mg/l	≤ 250 mg/l	02/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,22 mg/l	≤ 0,3 mg/l	02/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,66 mg/l	≤ 50 mg/l	02/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01 mg/l)	≤ 3 mg/l	02/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	20,47 mg/l	≤ 250 mg/l	02/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,41 mg/l	≤ 2 mg/l	01/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,08 mg/l	0,3 mg/l	02/04/2019

Mã số mẫu: 0507.19

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 16 tháng 04 năm 2019

GIÁM ĐỐC



Võ Thị Giém



Nguyễn Văn Cảnh

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 515.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu Sơn Định - Chợ Lách
Ngày lấy mẫu : 02/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	04/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	02/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017 (b)	0,80 NTU	≤ 2 NTU	02/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,82	6,5 – 8,5	02/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	86,00 mg/l	≤ 300 mg/l	04/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl-B 2017 (a)	13,00 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	KPH (MLOD=0,03 mg/l)	≤ 0,3 mg/l	04/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	0,12 mg/l	≤ 50 mg/l	04/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01 mg/l)	≤ 3 mg/l	04/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	16,82 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	0,77 mg/l	≤ 2 mg/l	02/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,02 mg/l	0,3 mg/l	04/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,5 mg/l	0,3-0,5mg/l	02/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2019



Võ Thị Giem



GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
TỈNH BẾN TRE
Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 516.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre .
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Nha Khoa Thiệt - Sơn Lân - Chợ Lách
Ngày lấy mẫu : 02/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	04/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	02/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017 (b)	0,98 NTU	≤ 2 NTU	02/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,75	6,5 – 8,5	02/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	88,00 mg/l	≤ 300 mg/l	04/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	13,50 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	KPH MLOD=0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	04/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	0,21 mg/l	≤ 50 mg/l	04/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01 mg/l)	≤ 3 mg/l	04/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	18,84 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,41 mg/l	≤ 2 mg/l	02/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,02 mg/l	0,3 mg/l	04/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,3 mg/l	0,3-0,5mg/l	02/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Võ Thị Giém

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 512.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn - CN Phú Tân
Ngày lấy mẫu : 02/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	2,67	15 TCU	04/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	02/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017 (b)	0,57 NTU	≤ 2 NTU	02/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,45	6,5 – 8,5	02/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	94,00 mg/l	≤ 300 mg/l	04/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl-B 2017 (a)	45,50 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,07 mg/l	≤ 0,3 mg/l	04/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	2,04 mg/l	≤ 50 mg/l	04/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01 mg/l)	≤ 3 mg/l	04/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	16,72 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,41 mg/l	≤ 2 mg/l	02/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	KPH	0,3 mg/l	04/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,5 mg/l	0,3-0,5mg/l	02/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN



Võ Thị Giém

Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 513.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : KCN Giao Long
Ngày lấy mẫu : 02/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	04/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	02/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017 (b)	0,46 NTU	≤ 2 NTU	02/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,17	6,5 – 8,5	02/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	94,00 mg/l	≤ 300 mg/l	04/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	48,00 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	KPH MLOD=0.03 mg/l)	≤ 0,3 mg/l	04/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,94 mg/l	≤ 50 mg/l	04/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0.01 mg/l)	≤ 3 mg/l	04/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	19,02 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,41 mg/l	≤ 2 mg/l	02/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	KPH	0,3 mg/l	04/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,4 mg/l	0,3-0,5mg/l	02/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CDHA-TDCN

Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Võ Thị Giém



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Danh

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 525.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu Nguồn - NMN Lương Quới
Ngày lấy mẫu : 04/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 04/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	05/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017 (b)	0,42 NTU	≤ 2 NTU	04/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,32	6,5 – 8,5	04/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	182,00 mg/l	≤ 300 mg/l	05/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl-B 2017 (a)	342,50 mg/l	≤ 250 mg/l	05/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	KPH (MLOD=0,03 mg/l)	≤ 0,3 mg/l	05/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,83 mg/l	≤ 50 mg/l	05/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01 mg/l)	≤ 3 mg/l	05/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	53,81 mg/l	≤ 250 mg/l	05/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,73 mg/l	≤ 2 mg/l	04/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	0,01 mg/l	0,3 mg/l	05/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,5 mg/l	0,3-0,5mg/l	04/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có chỉ tiêu chỉ số hàm lượng Clorua được kiểm nghiệm không đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CDHA-TDCN

Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Võ Thị Cẩm

NGUYỄN HỮU ĐỊNH

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 526.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Giữa nguồn - NMN Lương Quới
Ngày lấy mẫu : 04/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 04/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	05/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017 (b)	0,86 NTU	≤ 2 NTU	04/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,31	6,5 – 8,5	04/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	180,00 mg/l	≤ 300 mg/l	05/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	325,00 mg/l	≤ 250 mg/l	05/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	05/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	2,08 mg/l	≤ 50 mg/l	05/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01 mg/l)	≤ 3 mg/l	05/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	49,87 mg/l	≤ 250 mg/l	05/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,92 mg/l	≤ 2 mg/l	04/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	KPH	0,3 mg/l	05/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,3 mg/l	0,3-0,5mg/l	04/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có chỉ tiêu chỉ số hàm lượng Clorua được kiểm nghiệm không đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

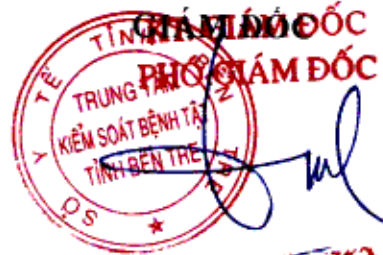
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2019



Võ Thị Giem



Nguyễn Hữu Định

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 527.19



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Cuối nguồn - Bình Thành
Ngày lấy mẫu : 04/04/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lit + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 04/04/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/04/2019
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/04/2019
3	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 – 1996 (b)	KPH	15 TCU	05/04/2019
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/04/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130B 2017 (b)	0,45 NTU	≤ 2 NTU	04/04/2019
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,54	6,5 – 8,5	04/04/2019
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 2017(a)	182,00 mg/l	≤ 300 mg/l	05/04/2019
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017 (a)	330,00 mg/l	≤ 250 mg/l	05/04/2019
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B 2017 (b)	KPH (MLOD=0,03 mg/l)	≤ 0,3 mg/l	05/04/2019
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1996 (b)	1,78 mg/l	≤ 50 mg/l	05/04/2019
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017 (a)	KPH (MLOD=0,01 mg/l)	≤ 3 mg/l	05/04/2019
12	Hàm lượng Sunphat	EPA – 375.4 (1997) (b)	52,29 mg/l	≤ 250 mg/l	05/04/2019
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186 – 1996 (b)	1,41 mg/l	≤ 2 mg/l	04/04/2019
14	Hàm lượng Mangan tổng số	Palintest	KPH	0,3 mg/l	05/04/2019
15	Chlor dư tổng cộng	So màu tại hiện trường (2)	0,3 mg/l	0,3-0,5mg/l	04/04/2019

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có chỉ tiêu chỉ số hàm lượng Clorua được kiểm nghiệm không đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XN-CĐHA-TDCN

Võ Thị Cẩm

Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2019

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định